

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Chuyên ngành đào tạo:

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG

Mã số: D.31.01.01

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG/20.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20.....

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số 820/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 01 tháng 09 năm 2015
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh Tế – Luật)

Tên chương trình: **KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Kinh tế**
Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**
Mã ngành đào tạo: **D.31.01.01**
Trưởng Bộ môn: **PGS.TS. Nguyễn Chí Hải**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế và Quản lý công nhằm đào tạo các cử nhân kinh tế có trình độ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao, có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe, khả năng làm việc tập thể.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân ngành Kinh tế và Quản lý công được trang bị kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế học ứng dụng trong khu vực công và khả năng quản lý khu vực công; có kiến thức và kỹ năng phân tích, đánh giá, hoạch định và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở các đô thị, các khu vực và các vùng trong lĩnh vực hành chính sự nghiệp, sản xuất kinh doanh và dịch vụ công; có khả năng nghiên cứu và học tập ở cấp bậc cao hơn.

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các cơ quan quản lý kinh tế nhà nước, các tổ chức dịch vụ công ở các lĩnh vực tài chính, quản lý đô thị, giáo dục.... Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc ở các tổ chức phi chính phủ và các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực kinh tế.

2. CHUẨN ĐẦU RA

1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH

1.1. Vận dụng kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống

1.1.1. Hiểu kiến thức nền tảng về tự nhiên, xã hội và nhân văn;

1.1.2. Áp dụng các kiến thức tự nhiên, xã hội, nhân văn để giải thích và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2. Áp dụng kiến thức cơ sở ngành kinh tế và quản lý công để giải quyết các vấn đề kinh tế

1.2.1. Tổng hợp kiến thức liên ngành tài chính, đối ngoại, quản trị, quản lý để giải quyết các vấn đề kinh tế;

1.2.2. Áp dụng kiến thức thống kê và định lượng trong việc nhận diện và lượng hóa các vấn đề kinh tế và quản lý.

1.3. Sử dụng kiến thức chuyên ngành kinh tế và quản lý công để giải quyết các vấn đề trong kinh tế Nhà nước, doanh nghiệp và nền kinh tế

1.3.1. Áp dụng kiến thức kinh tế học trong giải quyết các vấn đề của nền kinh tế;

1.3.2. Áp dụng kiến thức phân nhánh của kinh tế và quản lý công trong việc lựa chọn phân bổ hiệu quả nguồn lực xã hội;

1.3.3. Sử dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề kinh tế trong khu vực Nhà nước, doanh nghiệp và nền kinh tế.

2. KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN

2.1. Kỹ năng phân tích, đánh giá, phản biện và sáng tạo

2.1.1. Phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế và chính sách của chính phủ;

2.1.2. Phản biện chính sách và các quan điểm thuộc lĩnh vực Kinh tế và quản lý công;

2.1.3. Tư duy có hệ thống, nghiên cứu độc lập, sáng tạo.

2.2. Kỹ năng hoạch định, tư vấn chính sách

2.2.1. Hoạch định, tư vấn và đánh giá các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế

– xã hội;

2.2.2. Tư vấn các vấn đề kinh tế, chính sách và giải pháp cho các tổ chức, địa phương và trung ương;

2.2.3. Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư công.

2.3. Kỹ năng phân tích định tính, định lượng và dự báo

2.3.1. Thống kê mô tả hành vi của các chủ thể kinh tế;

2.3.2. Xác định mối tương quan giữa các đại lượng kinh tế;

2.3.3. Dự báo biến động và xu hướng nền kinh tế trong và ngoài nước;

2.3.4. Phân tích lợi ích – chi phí của các quyết định chính sách.

3. KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ LÀM VIỆC NHÓM

3.1. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tạo lập mối quan hệ

3.1.1. Trình bày và thuyết trình vấn đề thuyết phục;

3.1.2. Ứng xử phù hợp với các chuẩn mực trong giao tiếp;

3.1.3. Đặt và giải quyết vấn đề mạch lạc, xúc tích.

3.2. Kỹ năng làm việc nhóm

3.2.1. Tương tác, phản biện và bảo vệ ý kiến;

3.2.2. Tổ chức và điều hành nhóm sáng tạo và hiệu quả;

3.2.3. Quản lý thời gian một cách hiệu quả.

3.3. Kỹ năng ngoại ngữ không chuyên

3.3.1. Nghe và nói tiếng Anh thành thạo;

3.3.2. Đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh.

4. PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP

4.1. Thái độ và tư tưởng đúng đắn

4.1.1. Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;

4.1.2. Tuân thủ pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế;

4.1.3. Có thái độ tích cực trong việc tiếp nhận thông tin.

4.2. Thái độ đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng

4.2.1. Có ý thức kỷ luật chấp hành các quy định tại nơi công tác và cư trú;

4.2.2. Có tác phong làm việc chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao đối với cá nhân và cộng đồng;

4.2.3. Tinh thần làm việc nghiêm túc, đúng đắn và hợp với xu hướng phát triển của xã hội.

4.3. Ý thức học tập suốt đời

4.3.1. Nhận thức được ý nghĩa của việc học tập suốt đời;

4.3.2. Rèn luyện năng lực học tập, nghiên cứu hiệu quả và lâu dài;

4.3.3. Hình thành thói quen đọc sách thường xuyên.

3. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA – MÔN HỌC

HK	S T T	TÊN MÔN HỌC	TC	CHUẨN ĐẦU RA																																		
				Kiến thức và lập luận ngành								Kỹ năng chuyên môn								Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm								Phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp										
				1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	4	4	4	4	4	4
				1	1	2	2	3	3	3	1	1	1	2	2	2	3	3	3	3	1	1	1	2	2	2	3	3	1	1	1	1	2	2	2	3	3	3
				1	2	1	2	1	2	3	1	2	3	1	2	3	4	1	2	3	1	2	3	1	2	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	
HỌC KỲ I	1	Những NLCB của CN Mác Lênin	5	✓	✓															✓		✓	✓	✓	✓							✓	✓		✓			
	2	Kinh tế vi mô 1	3	✓	✓				✓								✓	✓			✓	✓	✓	✓							✓			✓				
	3	Lý luận NN và PL	3	✓	✓																	✓						✓	✓		✓			✓				
	4	Toán cao cấp	5	✓				✓									✓					✓									✓			✓				
	5	Tâm lý học đại cương *	2	✓	✓																	✓	✓								✓			✓				
	6	Nhập môn khoa học giao tiếp *	2	✓	✓																	✓	✓								✓			✓				
HỌC KỲ II	7	Luật Doanh nghiệp	3	✓	✓																	✓						✓	✓			✓			✓			
	8	Kinh tế học vĩ mô 1	3	✓	✓				✓													✓									✓			✓				
	9	Nguyên lý kế toán	3	✓			✓																✓								✓			✓				
	10	Quản trị học căn bản	3	✓	✓		✓														✓		✓	✓	✓	✓					✓			✓				

	11	Lý thuyết xác suất	2	✓		✓					✓						✓						✓			✓
	12	Địa chính trị thế giới *	2	✓						✓							✓						✓			✓
	13	Quan hệ quốc tế *	2	✓		✓					✓						✓						✓			✓
	14	Văn hóa học*	2	✓	✓						✓						✓						✓			✓
	15	Xã hội học *	2	✓	✓						✓					✓	✓	✓	✓	✓			✓			✓
HỌC KỲ III	16	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	✓							✓						✓				✓		✓			✓
	17	LS KTVN & các nước	3	✓	✓					✓	✓	✓				✓	✓		✓	✓			✓	✓		✓
	18	Marketing căn bản	3	✓		✓		✓			✓						✓					✓				✓
	19	Nguyên lý thị trường tài chính	3	✓		✓				✓		✓					✓						✓			✓
	20	Thống kê ứng dụng	3	✓			✓				✓						✓						✓			✓
	21	Tin học ứng dụng *	3	✓	✓						✓						✓						✓			✓
	22	Logic học *	3	✓							✓						✓						✓			✓
	23	Phương pháp nghiên cứu khoa học *	2	✓	✓		✓				✓			✓	✓		✓						✓	✓		✓
	24	Kỹ năng làm việc nhóm *	2	✓	✓						✓						✓	✓					✓	✓		✓
· C K	25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	✓							✓						✓					✓				✓

	26	Kinh tế học quốc tế	2	✓	✓	✓		✓	✓						✓					✓		✓
	27	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	✓	✓	✓			✓						✓					✓		✓
	28	Kinh tế lượng	3	✓		✓	✓		✓			✓		✓	✓	✓	✓	✓		✓		✓
	29	Kinh tế công 1	3	✓	✓		✓	✓	✓	✓				✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓
	30	Lịch sử các HTKT	3	✓					✓						✓					✓		✓
	31	Kế hoạch hóa và Chính sách kinh tế *	3	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓
	32	Phân tích lợi ích- chi phí *	3	✓				✓	✓	✓	✓		✓	✓		✓				✓		✓
HỌC KỲ V	33	Dự báo kinh tế	3	✓		✓		✓	✓	✓			✓	✓		✓				✓		✓
	34	Kinh tế đối ngoại	3	✓	✓		✓	✓	✓	✓				✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓
	35	Kinh tế công 2	2	✓			✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓
	36	Kinh tế NN & PTNT	3	✓			✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓		✓		✓
	37	Chính sách công	4	✓			✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓
	38	Kinh tế học ứng dụng trong quản lý DN *	3	✓			✓			✓	✓			✓		✓				✓		✓
	39	Quan hệ công	3	✓	✓					✓					✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓

	54	Khóa luận tốt nghiệp	6	✓					✓	✓	✓	✓	✓						✓		✓	✓	✓	✓						✓			✓
--	----	----------------------	---	---	--	--	--	--	---	---	---	---	---	--	--	--	--	--	---	--	---	---	---	---	--	--	--	--	--	---	--	--	---

Ghi chú: *(*): các môn học tự chọn*

CĐR ngoại ngữ không được mô tả trong ma trận trên, CĐR ngoại ngữ theo qui định đào tạo chung của Trường

4. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VÀ KHẢ NĂNG LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế và Quản lý công sẽ có cơ hội và khả năng làm việc trong cơ quan, doanh nghiệp thuộc khu vực công và các thành phần kinh tế:

- Các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước ở Trung ương và địa phương; các tổ chức, đoàn thể xã hội; các đơn vị hoạt động dịch vụ công;
- Các trường đại học, Viện nghiên cứu; các tổ chức tư vấn về các vấn đề kinh tế – xã hội;
- Làm việc, tham gia các dự án phát triển kinh tế – xã hội;
- Làm việc trong các doanh nghiệp, các công ty, các tổ chức tài chính – tín dụng,...
- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: tiếp tục học ở các bậc sau đại học (trong và ngoài nước) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế (Kinh tế học; Kinh tế phát triển; Kinh tế và Quản lý công; Kinh tế Tài chính – Ngân hàng,...);
- Có đủ năng lực để nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý công.

5. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ (không bao gồm phần kiến thức: ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			TTCK, KLTN, hoặc các HPCĐ	Phân bổ theo bắt buộc và tự chọn		
				Toàn bộ	Cơ sở ngành	Chuyên ngành		Bắt buộc	Tự chọn	
									Yêu cầu trong CTĐT	Liệt kê để chọn
Đại học chính quy	4	130	46	74	27	47	4+6	101	29	58
		Tỷ lệ (%)	35%	58%			7%			

7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối tuyển sinh: A, A1 và D1

8. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định số 1368/ĐHQG-ĐH&SDH ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

8.1. Quy trình đào tạo

Học chế đào tạo: theo hệ thống tín chỉ

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục cơ bản: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3.
- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: học kỳ 4.
- Khối kiến thức ngành: học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 8.

8.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình giáo dục quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo (gồm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, thi các môn chuyên môn thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp), không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có ĐTBCTL không dưới 5;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của ĐHQG-HCM và của trường (trừ trường hợp các lưu học sinh nước ngoài tuân theo Quy chế Công tác người nước ngoài học tại Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số

33/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 8 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT);

- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

9. THANG ĐIỂM:

Sử dụng thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Khối kiến thức chung (toàn trường): 46 tín chỉ (không bao gồm phần kiến thức: ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Lý luận Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (10 TC)						
Các môn học bắt buộc			10	10		
1	GEN1001	Những nguyên lý của CN Mác – Lênin	5	5		
2	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3		
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
Khoa học xã hội (7 TC)						
Môn học bắt buộc			3	3		
1	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3	3		
Các môn học tự chọn			4	4		
1	GEN1106	Xã hội học	Chọn 1 trong 2 môn	2	2	
2	GEN1105	Văn hóa học		2	2	
3	GEN1103	Địa chính trị thế giới	Chọn 1 trong 2 môn	2	2	
4	GEN1104	Quan hệ		2	2	

		quốc tế					
Nhân văn – Kỹ năng (4 TC)							
Các môn học tự chọn				4	4		
1	GEN1101	Tâm lý học đại cương	Chọn 1 trong 2 môn	2	2		
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2		
3	ECO1003	Phương pháp NCKH	Chọn 1 trong 2 môn	2	2		
4	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm		2	2		
Khoa học pháp lý (3 TC)							
Môn học bắt buộc				3	3		
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật		3	3		
Toán và Khoa học tự nhiên (10 TC)							
Các môn học bắt buộc				7	7		
1	MAT1001	Toán cao cấp		5	5		
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất		2	2		
Các môn học tự chọn				3			
1	GEN1107	Logic học	Chọn 1 trong 2 môn	3			
2	MIS1004	Tin học ứng dụng		3	2	1	
Khoa học kinh tế (12 TC)							
Các môn học bắt buộc				12	11	1	
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1		3	3		
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1		3	3		
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán		3	2	1	
4	BUS1100	Quản trị học căn bản		3	3		
Ngoại ngữ không chuyên (20 TC)				20	16	4	
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1		5	4	1	

2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1	
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1	
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1	
Giáo dục thể chất (5 TC)						
Giáo dục quốc phòng (8 TC, tương ứng 165 tiết)						

10.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84 Tín chỉ

10.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 27 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc			27	24	3	
1	MAT1004	Kinh tế lượng	3	2	1	
2	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	2	1	
3	ECO1006	Dự báo kinh tế	3	3		
4	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3		
5	ECO1010	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	3	3		
6	ECO1007	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	3		
7	BUS1200	Marketing căn bản	3	2	1	
8	FIN1201	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		
9	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		

10.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 47 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc			35	30	5	
1	ECO1023	Chính sách Công	4	3	1	
2	ECO1020	Hành chính công	3	2	1	
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1	

4	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2		
5	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	3	1	
6	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3		
7	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3		
8	ECO1024	Kinh tế đô thị - vùng và miền	3	3		
9	ECO1005	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2	1	
10	ECO1025	Quản lý công	3	3		
11	ECO1021	Kinh tế Công 1	3	3		
12	ECO1022	Kinh tế Công 2	2	2		
Các môn học tự chọn			12			
1	ECO1028	Kinh doanh bất động sản	3	2	1	
2	ECO1031	Thuế và chính sách thuế	3	3		
3	ECO1015	Kế hoạch hóa và Chính sách kinh tế	3	3		
4	ECO1026	Kinh tế học ứng dụng trong quản lý DN	3	2	1	
5	ECO1027	Marketing địa phương	3	3		
6	ECO1019	Quan hệ công chúng	3	3		
7	ECO1017	Phân tích lợi ích chi phí	3	3		
8	BUS1300	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	3	2	1	

10.2.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần chuyên đề: 10 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Môn bắt buộc			4		4	
1	REP01	Thực tập cuối khóa	4		4	
Môn tự chọn			6	6		
1	THE01	Khóa luận tốt nghiệp	6	6		

2	SUB01	Chuyên đề Kinh tế và quản lý công 1 (Đối với sinh viên không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)	3	3		
3	SUB02	Chuyên đề kinh tế và quản lý công 2 (Đối với sinh viên không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)	3	3		

Ghi chú:

- Tất cả sinh viên đều phải đi thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 4 TC.
- Sinh viên chọn làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn học phần chuyên môn (6 tín chỉ). Khóa luận thực hiện trong học kỳ 8. Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng. Các học phần chuyên môn học trong học kỳ 8.

10.2.4. Kiến thức ngành thứ hai: 12 tín chỉ

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

➤ **Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1032	Kinh tế công	4	4			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Tài chính							
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
Ngân hàng							
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC 1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phân hành 1	3	3		ACC 1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC 1034	

➤ **Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC 1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC 1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC 1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC 1034	

➤ **Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC) (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	
2	MIS1022	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1		
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1		
4	MIS1023	Kế toán tin học	3	2	1		
Nhóm 2							
1	MIS1024	Lập trình CSDL	3	2	1	MIS1011, MIS1007	
2	MIS1025	Thiết kế Web 2	3	2	1	MIS1012	
3	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	MIS1011, MIS1012	
4	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ	3	2	1	MIS1015	

		thông ERP - P2					
--	--	----------------	--	--	--	--	--

- **Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)** (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	3		MIS1015	
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
Nhóm 2							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
4	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	3			MIS1011

- **Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3				

5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3			
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Chọn 1 trong 2 môn		
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3			

- **Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

- **Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW11

							07
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW10 01 LAW11 01 LAW11 02 LAW11 03
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW10 01 LAW11 01 LAW11 02 LAW11 03 LAW11 09 LAW11 13

➤ **Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW10 01
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW10 01 LAW11 01 LAW11 02 LAW11 03
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW10 01 LAW11 01 LAW11 02 LAW11 03
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW10

							01 LAW11 01 LAW11 02 LAW11 03 LAW12 07
--	--	--	--	--	--	--	--

11. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO TỪNG HỌC KỲ

➤ HỌC KỲ I: 18 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC		TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc				16	16			
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin		5	5			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1		3	3			
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)		3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)		5	5			
Môn học tự chọn				2	2			
5	GEN1101	Tâm lý học đại cương	Chọn 1 trong 2 môn	2	2			
6	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2			
7	GEN1004	Giáo dục thể chất 1		3	3			

➤ HỌC KỲ II: 18 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc			14	13	1		

1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3			
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	1		
4	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2			MAT1001
Môn học tự chọn			4	4			
6	GEN1103	Địa chính trị thế giới	<i>Chọn 1 trong 2 môn</i>	2	2		
7	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2		
8	GEN1105	Văn hóa học	<i>Chọn 1 trong 2 môn</i>	2	2		
9	GEN1106	Xã hội học		2	2		
10	GEN1005	Giáo dục thể chất 2	2	2			
11	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)	165t				

➤ **HỌC KỲ III: 20 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc			15	13	2		
1	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3			
2	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3	3			
3	BUS 1200	Marketing căn bản	3	2	1		
4	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			ECO1001ECO1002
5	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	2	1		MAT1001MAT1002
Môn học tự chọn			5				

6	MIS1004	Tin học ứng dụng	Chọn 1 trong 2 môn	3	2	1		
7	GEN1107	Logic học		3	3			
8	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Chọn 1 trong 2 môn	2	2			
9	BUS 1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm		2	2			

➤ **HỌC KỲ IV: 18 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc			15	15	2		
1	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2			
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1		
4	MAT1004	Kinh tế lượng	3	2	1		MAT1001 MAT1002MAT1003
5	ECO1021	Kinh tế công 1	3	3			
6	ECO1007	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	3			
Môn học tự chọn chuyên sâu			3	3			
7	ECO1015	Kế hoạch hóa và Chính sách kinh tế	Chọn 1 trong 2 môn	3	3		
8	ECO1017	Phân tích lợi ích – chi phí		3	3		

➤ **HỌC KỲ V: 18 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng	Lý	Thực	Tích	Đã học

			cộng	thuyết	hành	lũy	và thi
Môn học bắt buộc			15	14	1		
1	ECO1006	Dự báo kinh tế	3	3			
2	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
3	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
4	ECO1010	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	3	3			
5	ECO1023	Chính sách công	4	3	1		
Môn học tự chọn chuyên sâu			3				
6	ECO1026	Kinh tế học ứng dụng trong quản lý DN	Chọn 1 trong 2 môn	3	2	1	
7	ECO1019	Quan hệ công chúng		3	3		

➤ **HỌC KỲ VI: 16 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC		TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc				13	12	1		
1	ECO1014	Kinh tế phát triển		4	3	1		
2	ECO1009	Kinh tế tài nguyên môi trường		3	3			
3	ECO1013	Kinh tế lao động		3	3			
4	ECO1025	Quản lý công		3	3			
Môn học tự chọn chuyên sâu				3	3			
5	ECO1031	Thuế và chính sách thuế	Chọn 1 trong 2 môn	3	3			
6	ECO1027	Marketing địa phương		3	3			

➤ **HỌC KỲ VII: 12 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi

Môn học bắt buộc				9	7	2		
1	ECO1020	Hành chính công		3	2	1		
2	ECO1024	Kinh tế đô thị, vùng và miền		3	3			
3	ECO1005	Lập và thẩm định dự án		3	2	1		
Môn học tự chọn chuyên sâu				3	2	1		
4	BUS1300	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	Chọn 1 trong 2 môn	3	2	1		
5	ECO1028	Kinh doanh bất động sản		3	2	1		

➤ **HỌC KỲ VIII: 10 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn bắt buộc			4		4		
1	REP01	Thực tập tốt nghiệp	4		4		
Môn tự chọn			6		6		
2	SUB01	Chuyên đề Kinh tế và quản lý công 1	3	3			
3	SUB02	Chuyên đề Kinh tế và quản lý công 2	3	3			
4	THE01	Khóa luận tốt nghiệp (Đối với SV làm khóa luận TN)	6		6		

➤ **KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

12. MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

1) Môn học: TOÁN CAO CẤP

Thời lượng: 5 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: nắm vững những kiến thức toán phổ thông căn bản.

Nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế.

2) Môn học: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: có kiến thức cơ bản về xã hội

Nội dung môn học:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật của Việt Nam, các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay cũng như vấn đề trách nhiệm thực hiện pháp luật của công dân và xử lý vi phạm. Qua đó giáo dục cho sinh viên ý thức trách nhiệm về chấp hành pháp luật của Đảng và nhà nước.

3) Môn học: QUAN HỆ QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập,...

Môn học cũng giới thiệu quá trình hình thành và phát triển môn học, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về

từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Qua đó, môn học trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

4) Môn học: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong toán cao cấp, Lý thuyết xác suất

Nội dung môn học:

Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.

5) Môn học: ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

6) Môn học: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

Thời lượng: 5 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên phải được trang bị kiến thức chung về khoa học xã hội.

Nội dung môn học:

Theo chương trình được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và đào tạo

7) Môn học: LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải nắm vững kiến thức chung về khoa học xã hội.

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều kiện ra đời, những nội dung cơ bản của các học thuyết kinh tế và các trường phái kinh tế chủ yếu ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội. Những học thuyết được tiếp cận sẽ giúp sinh viên vận dụng trong phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế cũng như vận dụng vào phát triển kinh tế Việt Nam. Đồng thời còn tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận các môn học Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế phát triển thuận lợi hơn.

8) Môn học : LỊCH SỬ KINH TẾ VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kiến thức chung về khoa học xã hội, kinh tế

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về những giai đoạn phát triển kinh tế, chính sách áp dụng trong từng giai đoạn của một số quốc gia tiêu biểu như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Liên Xô cũ; một số đặc điểm phổ biến của các quốc gia đang phát triển trong đó có khu vực Đông Nam Á và Việt Nam. Môn học đi sâu phân tích các giai đoạn phát triển kinh tế của Việt Nam từ lập quốc đến nay.

9) Môn học: LOGIC HỌC

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của logic học trong cuộc sống cũng như tìm hiểu các hình thức, nguyên tắc, quy luật cơ bản của tư duy như phán đoán, suy luận, luật nhân quả, luật triệt tam... Những kiến thức về logic học sẽ tạo điều kiện cho người học vận dụng liên kết trong đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

10) Môn học: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong các môn Toán cao cấp

Nội dung môn học:

Kết thúc môn học, sinh viên nắm được các phương pháp thống kê cơ bản, phân tích được các chỉ số thống kê được áp dụng trong một số môn học định lượng, đồng thời, sinh viên có thể vận dụng được các phương pháp thống kê và phân tích này vào các nghiên cứu về kinh tế - xã hội.

11) Môn học: KINH TẾ VI MÔ 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức toán cơ bản

Nội dung môn học

Trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước

Giúp sinh viên hiểu được hành vi của các doanh nghiệp, các cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng

Tạo cho sinh viên cách thức phân tích và mô tả các hoạt động kinh tế, ứng dụng các kỹ thuật thống kê và toán kinh tế, các lý thuyết để xây dựng các mô hình kinh tế

12) Môn học: KINH TẾ VĨ MÔ 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có kiến thức toán cơ bản

Nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của chính phủ.

Giúp sinh viên nắm được những công cụ chính sách kinh tế vĩ mô để điều tiết và ổn định hoá nền kinh tế.

13) Môn học: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức cơ bản về Tin học

Nội dung môn học:

Sinh viên nắm được nguyên tắc kế toán căn bản, các vấn đề liên quan đến sổ sách và chứng từ kế toán, phương pháp kế toán quá trình sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc cơ bản này để lập các bảng báo cáo kế toán như bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

14) Môn học: QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên nắm kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế

Nội dung môn học:

Kết thúc môn học, sinh viên hiểu được chức năng và vai trò của một nhà quản trị, phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường nội sinh và môi trường ngoại sinh đến việc ra quyết định của nhà quản trị, cách thức hoạch định, tổ chức và ra quyết định của nhà quản trị. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản này vào một số lĩnh vực quản trị cơ bản như quản trị nguồn nhân lực, quản trị thông tin.

15) Môn học: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức những môn học Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất

Nội dung môn học:

Cung cấp một cách có hệ thống về lý thuyết và áp dụng thực tế các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập; áp dụng các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế

16) Môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Thời lượng: 5 tín chỉ

Nội dung môn học:

Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như chạy cự ly trung bình, bóng chuyền,...

17) Môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Thời lượng: 8 tín chỉ (165 tiết)

Nội dung môn học:

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của một quốc gia, các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản trong quân sự, và vai trò của chính trị quân sự trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Kết thúc môn học, sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề an ninh quốc phòng và có ý thức trong việc bảo vệ an ninh quốc gia.

18) Môn học: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có hiểu biết về những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác Lê nin

Nội dung môn học:

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn

cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng.

Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

19) Môn học: KINH TẾ LƯỢNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức về các môn học sau: Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất.

Nội dung môn học:

Định hướng của môn học nhằm trình bày một cách cơ bản cho sinh viên những nguyên tắc lý thuyết cùng những ứng dụng của kinh tế lượng, công cụ hỗ trợ của những quyết định và dự báo cho doanh nghiệp hoặc quốc gia trong tương lai.

20) Môn học: KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học các môn Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô.

Nội dung môn học:

Cung cấp những kiến thức nâng cao cho sinh viên về kinh tế học quốc tế. Trên cơ sở đó, cung cấp những kiến thức làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại và đề hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của VN.

21) Môn học: MARKETING CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có kiến thức kinh tế, xã hội cơ bản

Nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thị trường, sản phẩm và hành vi của người tiêu dùng.

Cung cấp cho sinh viên phương pháp nghiên cứu thị trường; phương pháp định giá thương hiệu, chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách thức tổ chức kênh phân phối và dịch vụ khách hàng; cách thức tổ chức xây dựng kế hoạch, thực hiện và kiểm soát Marketing hàng năm.

22)Môn học: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong môn Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin

Nội dung môn học:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

23)Môn học: LUẬT DOANH NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên học xong môn Pháp luật đại cương

Nội dung môn học:

Sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp, đồng thời phân biệt được các loại hình tổ chức doanh nghiệp theo luật kinh tế. .

24)Môn học: KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có các kiến thức kinh tế cơ bản: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế quốc tế

Nội dung môn học:

Cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về những vấn đề của quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại và quan điểm, đường lối, nguyên tắc, chính sách phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong xu hướng khu vực hoá, quốc tế hoá và toàn cầu hoá kinh tế thế giới hiện nay.

25) Môn học: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học:

Nắm được đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học đại cương, bản chất của hiện tượng tâm lý, các khái niệm cơ bản của tâm lý học đại cương, lý giải được cơ sở thần kinh của các hiện tượng tâm lý người. Hiểu biết quá trình nhận thức, xúc cảm, tình cảm và ý chí, nắm được bản chất của nhân cách và các thuộc tính của nhân cách. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản cho SV là kiến thức cần trang bị trước khi học các môn như tâm lý phát triển, tâm lý học xã hội...

26) Môn học: NHẬP MÔN KHOA HỌC GIAO TIẾP

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học: Môn học giúp sinh viên nắm vững:

Những khái niệm cơ bản về lý thuyết truyền thông và giao tiếp.

Vai trò và ý nghĩa của truyền thông giao tiếp trong đời sống xã hội nói chung và trong lĩnh vực công tác xã hội nói riêng.

Các kỹ năng trong quá trình truyền thông và giao tiếp để có thể hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng trong các hoạt động xã hội.

27) Môn học: VĂN HÓA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: có kiến thức cơ bản về xã hội

Nội dung môn học:

Môn học văn hóa học là một môn học nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, thông qua môn học, người học có thể nắm được các nội dung: (1) điều kiện tự

nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam; (2) cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam; (3) đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam; (4) Văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa; (5) các vùng văn hóa Việt Nam

28) Môn học: XÃ HỘI HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: có kiến thức Kinh tế học đại cương, Kinh tế - chính trị

Nội dung môn học:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu đặc thù của xã hội học. Nắm được mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội, chính trị, văn hóa,... ; Có khả năng phát hiện ra vấn đề xã hội/ phương diện xã hội nảy sinh từ hoạt động, hành vi kinh tế và biết cách tiến hành một cuộc khảo sát thực địa những vấn đề thuộc đối tượng nghiên cứu của xã hội học.

29) Môn học: NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên học xong môn Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Môn học nguyên lý thị trường tài chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thị trường tài chính, nguyên lý vận hành và các chủ thể tham gia thị trường cũng như các công cụ/hàng hóa của thị trường. Sinh viên cũng được cung cấp cơ sở lý thuyết cho các vấn đề liên quan như quản lý thị trường, bảo vệ nhà đầu tư, tác động/vai trò của thị trường tài chính trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên có những đánh giá, nghiên cứu thực tiễn thị trường tài chính, các tổ chức cũng như các công cụ tài chính ở Việt Nam.

30) Môn học: TIN HỌC ỨNG DỤNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên có kiến thức cơ bản về máy tính và hệ điều hành

Nội dung môn học :

Phân một đề cập đến một số kiến thức đại cương về tin học

Phần hai cung cấp kiến thức cơ bản về mạng, Internet và phương pháp tìm kiếm thông tin hiệu quả trên Internet (Google).

Phần ba cung cấp kiến thức về những tính năng mở rộng của các phần mềm trong bộ Office: PowerPoint, Word, Excel để thực hiện trình bày báo cáo

Phần bốn trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản quản lý dữ liệu trên máy tính và tìm hiểu phần mềm bảng tính excel và quản lý CSDL Access

Phần năm: sinh viên tìm hiểu về hệ thống thông tin cách thức triển khai hệ thống thông tin hiện nay

31) Môn học: KỸ NĂNG LÀM VIỆC THEO NHÓM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học:

Nắm được các khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò của cá nhân trong nhóm, thấy được sự cần thiết của làm việc nhóm. Hiểu bản chất của hình thức làm việc theo nhóm, cơ cấu tổ chức nhóm. Tầm quan trọng sự khác biệt trong việc tạo thành công của nhóm, nguyên tắc điều chỉnh hoạt động giao tiếp nhóm, các mâu thuẫn thường phát sinh trong nhóm và tăng cường động lực làm việc cho các thành viên

32) Môn học: HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học:

Môn học gồm 2 phần.

Phần I : Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các qui trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực hành trên Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay trên toàn thế giới là SAP ERP với gói Dataset GBI phiên

bản 2.1 2011 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program, trong đó trường đại học Kinh tế - Luật là một thành viên).

Phần II : Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất.

33) Môn học: KINH TẾ CÔNG 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học sau các môn Kinh tế chính trị, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Kinh tế lượng.

Nội dung môn học :

Môn học nghiên cứu về vai trò, nhiệm vụ và chức năng của Khu vực công, đồng thời cả những phương pháp và nguyên tắc hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế.

Bên cạnh đó môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan để phân biệt về các loại hàng hóa công trong thực tế bao gồm hàng hóa công thuần túy, không thuần túy... làm cơ sở cho sự can thiệp của nhà nước ở các thị trường này.

Ngoài ra môn học còn phân tích các vấn đề lựa chọn công, đánh giá các chương trình chi tiêu công cộng của chính phủ..

34) Môn học: KẾ HOẠCH HÓA VÀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Trước khi học môn này sinh viên phải được trang bị những kiến thức cơ bản của các môn học sau: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế phát triển.

Nội dung môn học :

Đây là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành và bắt buộc đối với ngành Kinh tế học, Kinh tế và quản lý công.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận của kế hoạch hóa phát triển trong nền kinh tế thị trường về yêu cầu, vị trí, bản chất và hệ thống kế hoạch hóa phát triển như chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 5 năm, kế hoạch hằng năm, chương trình, dự án phát triển, từ đó giúp cho người học phân biệt với kế hoạch hóa trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung.

Đồng thời môn học còn trang bị cho sinh viên phương pháp kế hoạch hóa phát triển trong nền kinh tế thị trường như kế hoạch hóa tăng trưởng kinh tế và các yếu tố nguồn lực tăng trưởng kinh tế như vốn, lao động dựa trên những ứng dụng lý thuyết của mô hình Harrod- Domar, mô hình Input- Output...

Thông qua môn học sinh viên có thể tự phân tích, đánh giá và lập kế hoạch phát triển cho một ngành, địa phương, quốc gia. Ngoài ra môn học còn giúp sinh viên hiểu được, vận dụng trong việc lựa chọn và phối hợp các chính sách trong phát triển kinh tế- xã hội.

35) Môn học: PHÂN TÍCH LỢI ÍCH CHI PHÍ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về toán kinh tế, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế lượng, kinh tế phát triển

Nội dung môn học:

Môn học bao gồm 6 chương. Chương đầu tiên sẽ phân biệt các mục tiêu và các quan điểm khác nhau trong một chính sách, chương trình hay dự án và các quy trình khi thực hiện phân tích đánh giá các chính sách, chương trình dự án để qua đó giới thiệu khái quát về phương pháp phân tích lợi ích chi phí, và phân biệt sự khác nhau giữa phân tích lợi ích – chi phí với phân tích tài chính. Các chương tiếp theo sẽ làm rõ các khái niệm cơ bản trong phân tích lợi ích – chi phí như hiệu quả Pareto, giá thị trường, giá hiệu quả; các nguyên tắc nhận dạng lợi ích chi phí, tiêu chí lựa chọn dự án...

36) Môn học: DỰ BÁO KINH TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong: Kinh tế lượng và Các môn học cơ sở thuộc chuyên ngành kinh tế.

Nội dung môn học

Cung cấp cho sinh viên các quan điểm hiện đại về phương pháp phân tích thống kê dự báo được áp dụng trong lĩnh vực kế toán kiểm toán, phân tích tình hình hoạt động doanh nghiệp, quan hệ giữa Kế toán tài chính và Kế toán quản trị. Môn học còn trang bị cho người học các kiến thức cơ bản và các chương trình phần mềm về xử lý số liệu thu thập sơ cấp và thứ cấp và ứng dụng để phân tích, dự báo trong nghiên cứu chuyên ngành.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu, ứng dụng phương pháp nghiên cứu giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Giúp cho sinh viên hiểu được phương pháp thu thập số liệu và xử lý số liệu bằng các phần mềm vi tính. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp.

37) Môn học: KINH TẾ CÔNG 2

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết : Sinh viên học xong các môn Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, Kinh tế công 1, Chính sách công, Quản lý công

Nội dung môn học:

Phân tích các hình thức can thiệp của Nhà nước vào các lĩnh vực chủ yếu như: y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội và các chương trình phúc lợi khác

38) Môn học: LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong môn toán cao cấp C1, C2, kinh tế vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1.

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những vấn đề sau:

Những nội dung và phương pháp lập một dự án đầu tư

Nội dung, phương pháp và cách thức thẩm định dự án đầu tư.

Khi ra trường sinh viên có thể lập được các dự án đầu tư, thẩm định các dự án đầu tư; quản lý các hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp hoặc các sở, ban ngành; có

thể công tác tại sở kế hoạch đầu tư các tỉnh, thành phố, hoặc có thể tự lập các dự án đầu tư cho doanh nghiệp hay cho bản thân.

39) Môn học: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức nền tảng về Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Môn học cung cấp cho sinh viên khối ngành kinh tế và chuyên ngành kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn những kiến thức chuyên sâu về kinh tế nông nghiệp. Sinh viên được trang bị hệ thống kiến thức về các lý thuyết kinh tế học ứng dụng vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, phương pháp phân tích kinh tế và bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới cũng như Việt Nam đối với phát triển nông nghiệp và nông thôn

40) Môn học: CHÍNH SÁCH CÔNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên học xong môn Kinh tế công

Nội dung môn học:

Trong hệ thống các công cụ quản lý được Nhà nước dùng để điều hành các hoạt động kinh tế – xã hội, thể hiện các quan điểm, thực hiện các mục tiêu của mình, chính sách công là một trong những công cụ mạnh, trực tiếp và nền tảng định hướng cho các công cụ khác.

Các trường đại học, học viện có nhiệm vụ đào tạo cán bộ quản lý, các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý công, việc giảng dạy môn học Chính sách công là cần thiết nhằm hình thành tư duy và phương pháp luận trong việc phân tích, hoạch định, xây dựng, ban hành, thực thi và quản trị hiệu quả chính sách công.

Vì vậy, môn Chính sách công là môn học cơ sở của chuyên ngành Kinh tế & quản lý công cho hệ cử nhân kinh tế, cử nhân hành chính. Ngoài ra, khoa học chính sách công được nghiên cứu, giảng dạy ở các ngành khoa học xã hội có liên quan.

41) Môn học: KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học vi mô

Nội dung môn học:

Môn học cung cấp các khái niệm, nguyên lý và công cụ của kinh tế học vi mô, kinh tế lượng trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế của doanh nghiệp: (i) hiểu bản chất của việc hình thành và phát triển các DN, (ii) giới thiệu những vấn đề cốt lõi của kinh tế học quản lý, (iii) hướng dẫn cách ứng dụng những khái niệm mang tính lý thuyết vào những vấn đề kinh tế thực tiễn

42) Môn học: QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải học xong môn Quản trị học đại cương và Marketing căn bản.

Nội dung môn học:

Môn học nghiên cứu các nguyên lý quan hệ công chúng trong kinh doanh. Môn học tập trung vào tìm hiểu các công cụ và kỹ thuật được dùng để đạt được và duy trì hình ảnh tích cực của doanh nghiệp trong công chúng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp; các phân tích về quan điểm và thái độ của công chúng; các chính sách quan hệ công chúng; áp dụng các lý thuyết về quan hệ công chúng vào các tình huống thực tế.

43) Môn học: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải tích lũy được các môn học toán cao cấp, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Nội dung môn học bao gồm 12 chương, thể hiện trong bốn phần:

Phần thứ nhất, những vấn đề chung về phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

Phần thứ hai, phân tích các nguồn lực trong tăng trưởng và phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

Phần thứ ba, các chính sách & lĩnh vực phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

Phần thứ tư, vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển..

44) Môn học: KINH TẾ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế công, Phân tích lợi ích-chi phí.

Nội dung môn học

Phần thứ nhất, tìm hiểu về hệ thống kinh tế và các vấn đề môi trường, chú trọng vào việc tìm ra mối gắn kết qua lại giữa hệ thống kinh tế và hệ thống môi trường, tìm hiểu các nguyên nhân kinh tế gây suy thoái môi trường và sử dụng các công cụ kinh tế để giảm thiểu ô nhiễm môi trường

Phần thứ hai, tìm hiểu về kinh tế tài nguyên thiên nhiên, đi sâu vào việc phân loại và sử dụng tài nguyên thiên nhiên 1 cách có hiệu quả

45) Môn học: KINH TẾ LAO ĐỘNG

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên học xong các môn Kinh tế chính trị, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế lượng

Nội dung môn học:

Nghiên cứu về các phương pháp và hình thức sử dụng các qui luật kinh tế của xã hội trong lĩnh vực nâng cao hiệu quả, tổ chức và điều kiện lao động, khuyến khích vật chất và tinh thần, tái sản xuất sức lao động của nó.

46) Môn học: QUẢN LÝ CÔNG

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên học xong môn Chính sách công, Kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Môn học: (1) cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức nhà nước – với những chức năng và nhiệm vụ cụ thể; (2) trang bị cho SV những hiểu biết về thực tế QL KV công; (3) giúp SV hiểu sâu sắc về tầm quan trọng của QL khu vực công trong

quản trị nhà nước; (4) khuyến khích khả năng của SV trong việc tranh luận về những vấn đề thuộc về KV công.

47) Môn học: THUẾ VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Môn học cung cấp cho sinh viên hiểu biết về các sắc thuế đang được sử dụng hiện nay tại Việt Nam và ý nghĩa của nó. Bên cạnh đó, môn học giúp sinh viên có khả năng phân tích hiệu quả của các chính sách thuế và những cải thiện cần thiết để có một chính sách thuế tốt hơn.

48) Môn học: MARKETING ĐỊA PHƯƠNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: marketing căn bản

Nội dung môn học:

Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm bắt được các vấn đề mang tính lý luận lẫn thực tiễn về marketing, marketing địa phương và cách thức xây dựng chương trình marketing địa phương nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương như phát triển du lịch địa phương, thu hút đầu tư cho địa phương v.v...

49) Môn học: HÀNH CHÍNH CÔNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên tích lũy được kiến thức cơ bản qua các môn học như Kinh tế chính trị, Quản trị học căn bản, Pháp luật đại cương.

Nội dung môn học:

Môn học đề cập đến vai trò, cấu trúc của bộ máy nhà nước, cũng như địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương và địa phương. Bên cạnh đó, môn học chú trọng đến việc giúp sinh viên nhìn nhận, đánh giá được các yếu tố cấu thành nên hành chính công. Đồng thời, môn học trang bị cho

sinh viên các kiến thức cơ bản về nền công vụ công chức nhằm mục tiêu giúp các sinh viên bớt bỡ ngỡ khi làm việc cho các cơ quan nhà nước sau khi tốt nghiệp.

50) Môn học: KINH TẾ ĐÔ THỊ, VÙNG VÀ MIỀN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế đô thị và vùng cả về lý thuyết và kỹ năng.

51) Môn học: TÂM LÝ VÀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học căn bản

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết của một nhà lãnh đạo trong các bối cảnh khác nhau của đơn vị.

52) Môn học: KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải học xong các môn học Kinh tế vĩ mô, Kinh tế công.

Nội dung:

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về thị trường bất động sản như đặc điểm thị trường, các phương pháp định giá bất động sản, lợi nhuận trong các phân khúc thị trường, phương pháp marketing về thị trường này. Từ đó làm cơ sở để đề ra những chính sách tác động của chính phủ trong quản lý thị trường bất động sản cho phù hợp với thể chế kinh tế thị trường.

13. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

13.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh khoa học, năm công	Học vị, năm công nhận	Số bài báo công bố trong nước	Số bài báo công bố ngoài nước
-----	------------------------	------------------------------------	--------------------------	-------------------------------------	-------------------------------------

		nhận		5 năm gần nhất	5 năm gần nhất
1	Nguyễn Thị Vân Anh, 1985	Thạc sĩ, 2012		2	0
2	Nguyễn Tiến Dũng, 1961	Tiến sĩ, 1994	Phó Giáo sư, 2012	15	3
3	Phạm Mỹ Duyên, 1980	Thạc sĩ, 2007		6	1
4	Nguyễn Chí Hải, 1962	Tiến sĩ, 1999	Phó Giáo sư, 2012	16	0
5	Huỳnh Hồng Hiếu, 1985	Thạc sĩ, 2009		3	0
6	Nguyễn Thị Thu Hương, 1980	Thạc sĩ, 2010		1	0
7	Nguyễn Thanh Huyền, 1982	Thạc sĩ, 2011		3	1
8	Nguyễn Văn Luân, 1951	Tiến sĩ, 1989	Phó Giáo sư, 2002	14	0
9	Trần Thị Lộc, 1988	Thạc sĩ, 2014		2	0
10	Hà Thanh Minh, 1962	Thạc sĩ, 2004		2	0
11	Lê Nhân Mỹ, 1987	Thạc sĩ, 2014		3	0
12	Huỳnh Thị Ly Na, 1987	Thạc sĩ, 2014		2	0
13	Nguyễn Hồng Nga, 1968	Tiến sĩ, 2000	Phó Giáo sư, 2014	15	1
14	Trần Thị Minh Ngọc, 1980	Thạc sĩ, 2007		2	0
15	Phạm Thị Hạ Nguyên, 1962	Thạc sĩ, 1994		1	0
16	Đỗ Phú Trần Tình, 1979	Tiến sĩ, 2010	Phó Giáo sư, 2014	17	3
17	Nguyễn Thị Thu Trang, 1983	Thạc sĩ, 2011		3	0
18	Tưởng Minh Trang, 1983	Thạc sĩ, 2010		1	0
19	Nguyễn Thanh Trọng, 1980	Tiến sĩ, 2016		8	0
20	Hoàng Minh Tuấn, 1960	Tiến sĩ, 1995		0	0
21	Nguyễn Anh Tuấn, 1984	Thạc sĩ, 2012		4	0

22	Trần Lục Thanh Tuyền, 1985	Thạc sĩ, 2011		3	0
23	Mai Lê Thúy Vân, 1982	Thạc sĩ, 2012		2	0
24	Trần Quang Văn, 1978	Tiến sĩ, 2013		1	3
25	Đinh Hoàng Tường Vi, 1984	Thạc sĩ, 2012		2	0
26	Dương Thị Việt, 1962	Thạc sĩ, 1994		1	0

13.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Nguyễn Tấn Phát, 1977, Phó ban tổ chức cán bộ	Phó giáo sư, 2015	Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Kinh tế chính trị	Lịch sử học thuyết kinh tế; Chính sách công	Đại học Quốc gia TPHCM
2	Bạch Thị Nhã Nam, 1988, giảng viên		Thạc sĩ, 2013	Luật	Lý luận Nhà nước và pháp luật	Đại học Kinh tế - Luật
3	Lê Kim Vũ, 1986, giảng viên		Thạc sĩ, 2015	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Đại học Kinh tế - Luật
4	Nguyễn Thị Phương Thảo, 1989, giảng viên		Thạc sĩ, 2015	Luật kinh tế	Luật doanh nghiệp	Đại học Kinh tế - Luật
5	La Xuân Đào, 1959, giảng viên		Tiến sĩ, 2013	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	Đại học Kinh tế - Luật
6	Huỳnh Thanh Tú, 1963, phó trưởng khoa QTKD		Tiến sĩ, 2006	Kinh tế	Quản trị học căn bản	Đại học Kinh tế - Luật
7	Lê Anh Vũ, 1958, Trưởng bộ môn Toán Kinh tế	Phó giáo sư, 2006	Tiến sĩ, 1990	Hình học – Tô pô	Lý thuyết xác suất	Đại học Kinh tế - Luật

8	Nguyễn Minh Thoại, 1988, giảng viên		Thạc sĩ, 2013	Quản trị kinh doanh	Marketing căn bản	Đại học Kinh tế - Luật
9	Trần Hùng Sơn, 1981, giảng viên		Tiến sĩ, 2013	Tài chính ngân hàng	Nguyên lý thị trường tài chính	Đại học Kinh tế - Luật
10	Huỳnh Văn Sáu, 1953, giảng viên	Giảng viên chính, 2000	Tiến sĩ, 2008	Kinh tế, quản lý và KHH QTKD	Thống kê ứng dụng	Đại học Kinh tế - Luật
11	Trần Văn Đức, 1972, giảng viên		Tiến sĩ, 2000	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	Kinh tế học quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật Đại học Kinh tế - Luật
12	Nguyễn Thị Hồng Hạnh, 1983, Giảng viên		Tiến sĩ, 2013	Ebusiness and services	Hệ thống thông tin kinh doanh	Đại học Kinh tế - Luật
13	Lê Hồng Nhật, 1959, giảng viên		Tiến sĩ, 2000	Kinh tế học	Kinh tế lượng	Đại học Kinh tế - Luật
14	Trần Trọng Khuê	Tiến sĩ Khoa học, 2000	Tiến sĩ, 1990	Toán	Dự báo kinh tế	Đại học Bình Dương
15	Đào Thị Ngọc, 1987, giảng viên		Thạc sĩ, 2013	Chính sách công	Kinh tế đối ngoại	Đại học Kinh tế - Luật
16	Hoàng Thọ Phú, 1971, Phó trưởng Khoa TCNH		Thạc sĩ, 1996	Quản trị kinh doanh	Marketing địa phương	Đại học Kinh tế - Luật
17	Nguyễn Tuyết Như, 1963		Tiến sĩ, 2009	Kinh tế học	Kinh doanh bất động sản	Đại học Tin học – ngoại ngữ
18	Lê Tuyết Ánh		GVC, Thạc sĩ		Tâm lý học; Nhập môn khoa học giao tiếp	ĐH Khoa học XH & NV
19	Đào Minh Hồng		Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
20	Chu Duy Ly		Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV

21	Trần Nam Tiến	Phó giáo sư	Tiến sĩ		Địa chính trị thế giới	ĐH Khoa học XH & NV
22	Phạm Đình Nghiệm	Phó giáo sư	Tiến sĩ		Logic học; Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH Sài Gòn
23	Nguyễn Anh Thường		Tiến sĩ			ĐH Khoa học XH & NV
24	Nguyễn Ngọc Thơ		Tiến sĩ		Văn hóa học	ĐH Khoa học XH & NV
25	Lê Thị Ngọc Diệp		Tiến sĩ			ĐH Khoa học XH & NV
26	Phạm Khánh Bằng		GVC, Thạc sĩ		Đường lối CM ĐCSVN; Tư tưởng HCM	Học viện hành chính khu vực II
27	Đinh Thị Điều		GVC, Thạc sĩ			Học viện hành chính khu vực II
28	Nguyễn Thị Hoa Phụng		GVC, Thạc sĩ			Học viện hành chính khu vực II

14. DANH SÁCH CỐ VẤN HỌC TẬP

STT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Chí Hải	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Kinh tế học	Trưởng khoa	
2	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Chính sách công	Giảng viên	
3	Trần Thị Lộc	Thạc sĩ	Chính sách công	Giảng viên	
4	Nguyễn Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Chính sách công	Giảng viên	
5	Đinh Hoàng Tường Vi	Thạc sĩ	Kinh tế học	Giảng viên	
6	Nguyễn Thanh Huyền	Thạc sĩ	Chính sách công	Giảng viên	
7	Mai Thị Huyền Trang	Thạc sĩ	Kinh tế học	Thư kí Khoa	

15. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

15.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Trung tâm mô phỏng thị trường tài chính	200	Bàn Ghế Bảng Led điện tử Máy chiếu Màn chiếu Máy tính Phần mềm dữ liệu tài chính		
2	Phòng Thực hành kinh doanh thông minh	100	Bàn Ghế Bục giảng Máy tính Máy chiếu Màn chiếu Micro Phần mềm nhân sự Bút lông		
3	Phòng thực hành luật	100	Bàn Ghế Bục xử Micro		
4	Phòng thực hành ngoại ngữ	200	Bàn Ghế Bục giảng Bảng mica Máy tính Máy chiếu Màn chiếu Micro Phần mềm ngoại ngữ Bút lông		
5	Phòng thực hành tin học	200	Bàn Ghế Bục giảng Bảng mica Máy tính Máy chiếu Màn chiếu		

			Micro Bút lông		
--	--	--	-------------------	--	--

15.2. Thư viện

Hệ thống thư viện phục vụ cho hoạt động đào tạo:

- Tổng diện tích thư viện: 940 m² trong đó diện tích phòng đọc: 466 m²
- Số chỗ ngồi: 550; số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 20
- Phần mềm quản lý thư viện: Aleph
- Thư viện điện tử: bao gồm

(1) Thư viện trung tâm ĐHQG TP.HCM: có thư viện điện tử, đã kết nối được với:

04 CSDL điện tử trong nước (Bộ sưu tập số toàn văn: Sách/Bài giảng/Luận án tất cả các chủ đề; Toàn văn 13 tạp chí khoa học trong nước từ năm 2007 đến nay; Toàn bộ tài liệu Khoa học & Công nghệ của Cục KH&CN Quốc gia Việt Nam);

14 CSDL điện tử ngoài nước (ACS, IEEE, MathSciNet, ScienceDirect, Springer, Taylor & Francis Online, OARE, AGORA, JL, MIT OCW, ProQuest, SpringerOpen, Emerald, Wiley Online Library);

Số lượng sách, giáo trình điện tử: 218 ebook.

(2) Thư viện trường ĐH Kinh tế - Luật: có thư viện điện tử, đã kết nối được với:

01 CSDL điện tử ngoài nước (OECD);

Số lượng sách, giáo trình điện tử: 54 ebook.

15.3. Giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2014		1
2	Toán cao cấp	Nguyễn Việt Đông	Giáo dục	2010		1
3	Pháp luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn	ĐH KT Quốc dân	2012	37	1
4	Toán cao cấp	Lê Anh Vũ	ĐHQG HCM	2015	20	1

5	Kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Luân	ĐHQG HCM	2005		1
6	Quản trị học	Phan Thị Minh Châu	Phương Đông	2011	115	2
7	Lý thuyết thống kê	Hà Văn Sơn	Thống Kê	2004	8	2
8	Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Luân	ĐHQG HCM	2005		2
9	Lý thuyết Xác suất và Thống kê Toán	Nguyễn Cao Văn	Đại học KTQD	2012		2
10	Các nguyên lý tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính	Trần Việt Hoàng	ĐHQG HCM	2007		3
11	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Nguyễn Văn Trinh	ĐHQG HCM	2012	20	3
12	Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	ĐH KT Quốc dân	2009	1	3
13	Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Đông	ĐH KT Quốc dân	2013	136	3
14	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	Nguyễn Chí Hải	ĐHQG HCM	2006		3
15	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo	Chính trị quốc gia	2014		4
16	Kinh tế công cộng	Phạm Văn Vận	Thống kê	2004	7	4
17	Kinh tế công cộng	Vũ Cương	ĐH Kinh tế Quốc dân	2013	37	4
18	Kinh tế tài nguyên môi và trường	Nguyễn Thị Kim Nga	ĐHQG Hà Nội	2005	5	4
19	Kinh tế và quản lý môi trường	Nguyễn Thế Chinh	Thống kê	2003	6	4
20	Kinh tế môi trường	Lê Thạc Cán	Thống kê	2008	3	4
21	Kinh tế quốc tế	Hoàng Vĩnh Long	ĐHQG HCM	2006		4
22	Essentials of Business Processes and Information Systems	Simha R. Magal	Wiley	2011		4
23	Kinh tế học phát triển	Trần Văn Chữ	Chính trị quốc gia	2002	7	5
24	Kinh tế phát triển	Vũ thị Ngọc Phùng	Lao động – xã hội	2006	8	5

25	Kinh tế phát triển	Nguyễn Trọng Hoài	ĐH Kinh tế TP.HCM	2013	20	5
26	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	Nguyễn Văn Trình	ĐHQG HCM	2006		5
27	Quản trị quan hệ công chúng	Lưu Văn Nghiêm	Đại học KTQD	2011		5
28	Kinh tế học công cộng (bản dịch)	Joseph Stiglitz	Khoa học và kỹ thuật	1995		5,6
29	Kinh tế đô thị	Nguyễn Đình Hương	Giáo dục	2002	9	6
30	Kế hoạch hoá và phát triển kinh tế-xã hội	Ngô Thắng Lợi	Thống kê	2003	8	6
31	Kinh tế nông nghiệp	Nguyễn Thế Nhã	Thống kê	2004	3	6
32	Hành chính công	Học viên hành chính	Thống kê	2003		6
33	Nhập môn phân tích lợi ích – chi phí	Trần Võ Hùng Sơn	Khoa học kỹ thuật	2003		6
34	Dự báo và phát triển kinh tế-xã hội	Trần Đại	Thống kê	2003	3	7
35	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Đỗ Phú Trần Tình	Giao thông vận tải	2009	4	7
36	Quản lý công	Bùi Huy Khiên	Chính trị quốc gia	2013		7
37	Quản lý khu vực công	Vũ Huy Từ	Khoa học và kỹ thuật	1998		7

16. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Trên cơ sở tham khảo chương trình khung của Bộ, chương trình đào tạo bậc đại học theo hệ đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).

Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.

Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.

Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

**TM BCN KHOA
TRƯỞNG KHOA**

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS NGUYỄN CHÍ HẢI

PGS.TS NGUYỄN TIẾN DŨNG